

Bản án số 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 01 - 2025

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mai Khanh, bà Nguyễn Thị Quế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 543/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 536/2024/QĐST ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T; sinh năm 1989; trú tại: Xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T1; sinh năm 1990; nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện tại: Trung Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Đình T1 tự do tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 3 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi sinh con một thời gian, anh T1 hay cờ bạc nên có nhiều bất đồng xảy ra, hai vợ chồng thường cãi vã nhau. Hiện nay anh Nguyễn Đình T1 đã đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc. Nay nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T viết đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình T1.

Về con chung: Chị T và anh Nguyễn Đình T1 có ba con chung là Nguyễn Uyên N, sinh ngày 16/11/2015, Nguyễn Trần Đình Q, sinh ngày 14/4/2018 và Nguyễn Thị Quỳnh T2, sinh ngày 01/4/2020. Các con hiện nay đang sống cùng chị T. Nguyên vọng của chị T khi ly hôn là được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung để các con ổn định cuộc sống, không yêu cầu anh Nguyễn Đình T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Nguyễn Đình T1: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh Nguyễn Đình T1 có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án...cho anh Nguyễn Đình T1 thông qua bà Đậu Thị Á là mẹ đẻ của anh Nguyễn Đình T1; thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật, nhưng hiện anh Nguyễn Đình T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Theo trình bày của bà Á thì anh T1 hiện đang ở Trung Quốc, vẫn liên lạc về với bà qua điện thoại, nhưng không nói địa chỉ hiện tại của anh T1 ở đâu. Bà đã nói với anh T1 về việc chị T yêu cầu ly hôn, anh T1 đồng ý. Về con chung, hiện anh T1 đang ở nước ngoài nhưng có nguyện vọng được nuôi con, về vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 5429/QLXNC-Đ1 ngày 20/12/2024 của Phòng Q1 – Công an tỉnh N: Anh Nguyễn Đình T1 có thông tin xuất cảnh ngày 12/4/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Đình T1; giao ba con chung của chị T và anh T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; dành quyền khởi kiện về cấp dưỡng, chia tài sản cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Đình T1 có hộ khẩu thường trú tại xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; hiện đang làm việc và sinh

sống tại Trung Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Thủ tục hòa giải: Bị đơn anh Nguyễn Đình T1 vắng mặt tại nơi cư trú, đang sinh sống và làm việc ở Trung Quốc. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị T đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, viết bản tự khai và cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T1, nhưng đến nay vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến cũng như sự có mặt của anh T1 tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T1 kết hôn vào ngày 03/3/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T1 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do sau khi sinh con một thời gian, anh T1 hay cờ bạc nên có nhiều bất đồng xảy ra, hai vợ chồng thường cãi vã nhau. Hiện nay, anh T1 đã đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc, không còn quan tâm đến mẹ con chị T nữa. Khi biết chị T làm đơn yêu cầu ly hôn, anh T1 cũng đồng ý. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình T1.

[2.2] Con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đình T1 có ba con chung tên Nguyễn Uyên N, sinh ngày 16/11/2015, Nguyễn Trần Đình Q, sinh ngày 14/4/2018 và Nguyễn Thị Quỳnh T2, sinh ngày 01/4/2020. Ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, hiện nay, anh T1 đang làm ăn sinh sống ở Trung Quốc, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T là người trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền yêu cầu cấp nuôi con chưa thành niên

cho các bên khi có yêu cầu. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Đình T1 cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét.

[3] Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 84, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273, các Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T.

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình T1.

2. Con chung:

2.1. Giao ba con chung tên Nguyễn Uyên N, sinh ngày 16/11/2015, Nguyễn Trần Đình Q, sinh ngày 14/4/2018 và Nguyễn Thị Quỳnh T2, sinh ngày 01/4/2020 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đình T1 có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị T chưa yêu cầu. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0013443 ngày 12/11/2024.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

4.1. Anh Nguyễn Đình T1 đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4.2. Chị Trần Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Ngọc